TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2019
V/v: Ly hôn giữa bà T và ông B.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam.

2. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Số nhà 913/1/1/2 Quốc lộ 20, xã Lộc Ch, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Vũ Ngọc B, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Số nhà 11/2 đường Lê Phụng H, xã Lộc Ch, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt tại phiên tòa, ông B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2019, các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Ngọc B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Ch, thành phố B vào ngày 15/9/1998. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn hạnh phúc bình thường cho đến cuối năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do ông B lấy tiền của vợ chồng dành dụm đi làm ăn nhưng bị thua lỗ, thất thoát tiền bạc dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát. Ông B thường hay đi chơi với bạn bè và uống rượu say về nhà quậy phá, vô cớ đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Trong năm 2018 và đầu năm 2019 bà đã từng 03 lần làm đơn xin ly hôn ông B nhưng sau đó ông B hứa hẹn thay đổi và lo làm ăn nên bà đã rút đơn ly hôn. Nhưng sau khi vợ chồng về đoàn tụ thì ông B vẫn chứng nào tật nấy, thường xuyên uống rượu về nhà lại gây gổ, chửi mắng xúc phạm, có lúc đánh đập bà. Mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng trầm trọng đến nay không thể giải quyết được nữa. Từ tháng 02 năm 2019 bà đã không còn chung sống với ông B, bà đi làm ăn xa và không còn tình cảm gì với ông B nữa. Nay bà đề nghị Tòa án cho ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Vũ Mạnh T, sinh ngày 25/9/1999 và Vũ Nhật Th, sinh ngày 25/4/2004. Hiện nay cháu Tuyến đã trên 18 tuổi đang đi làm nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Th tùy theo nguyện vọng của cháu muốn sống với ai thì người đó nuôi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị T có đăng ký kết hôn đúng như bà T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường hay cãi vã, xích mích, bà T đã bỏ nhà đi nhiều lần sau đó trở về và vợ chồng lại mâu thuẫn, bất hòa. Từ tháng 05/2018 cho đến nay bà T bỏ đi nơi khác sinh sống và làm đơn ly hôn với ông. Trước đó bà T cũng đã nhiều lần làm đơn ly hôn với ông và đã được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng sau đó bà T đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên sau khi rút đơn về bà T cũng không trở về chung sống với ông nữa, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nay ông vẫn còn yêu thương vợ và bản thân ông theo đạo Thiên chúa giáo nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung như bà T trình bày là đúng. Hiện nay cháu Tuyến đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Thiên sinh ngày 25/4/2004 đang sống với ông. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông B khai không có nợ chung.

Tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/8/2019 bà T vắng mặt và

đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghỉ nghị án thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B là có căn cứ; Giao con chung Vũ Nhật Th, sinh ngày 25/4/2004 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét; Về án phí: Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đoàn Thị T và ông Vũ Ngọc B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xích mích, cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà T và ông B có mâu thuẫn do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn. Bà T đã chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Phía ông B trình bày vẫn còn yêu thương bà T không muốn ly hôn nhưng ông cũng thừa nhận ông và bà T đã từng nhiều lần ra Tòa án ly hôn, bà T tuy rút đơn ly hôn nhưng cũng không trở về sống chung với ông vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà T và ông B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của ông B thấy rằng, kể từ khi ông B và bà T sống mỗi người một nơi thì con chung vẫn sống với ông B. Theo nguyện vọng của cháu Vũ Nhật Th là con chung của bà T và ông B xin được sống với ông B, mặt khác bà T cũng đồng ý theo nguyện của con sống với ai thì người đó nuôi. Vì vậy, giao con chung tên Vũ Nhật Th, sinh ngày 25/4/2004 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Bà T và ông B khai không có. Quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, 56, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị T và ông Vũ Ngọc B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Vũ Nhật Th, sinh ngày 25/4/2004 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông B khai không có.

5. Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005445 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà T đã nộp đủ án phí Dân

sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
+ Các đương sự;
+ VKSND thành phố B;
+ T.H.A thành phố B;
+ TAND tỉnh Lâm Đồng;
+ UBND xã Lộc Châu, thành phố B;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền